

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *73* /NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *10* tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;
Xét Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Bình (có Phụ lục chi tiết kèm theo).



Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

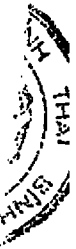
Nơi nhận:

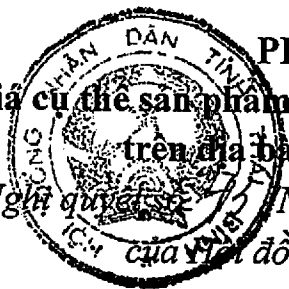
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành





PHỤ LỤC

Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa, mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Đông, vụ Hè cho các biện pháp tưới, tiêu:

TT	Biện pháp công trình	Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (1.000 đồng/ha/vụ)
I	Tưới, tiêu bằng động lực	
1	Lúa	1.646
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	658
II	Tưới, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	1.152
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	461
III	Tưới bằng động lực, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	1.498
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	599
IV	Tạo nguồn tưới bằng động lực, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	899
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	360
V	Tạo nguồn tưới bằng trọng lực, tiêu bằng trọng lực	
1	Lúa	534
2	Mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ Hè, vụ Đông	214



2. Đối với sản xuất muối, mức giá được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Theo biện pháp công trình	
			Bơm điện	Cống, sông trực
1	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản			
1.1	Cấp nước bằng bơm điện	đồng/m ² mặt thoáng/năm	250	
1.2	Cấp nước bằng tự chảy qua cống (trong đê)	đồng/m ² mặt thoáng/năm		100
1.3	Cấp nước bằng tự chảy qua cống (ngoài đê)	đồng/m ² mặt thoáng/năm		50
2	Tạo nguồn để cấp nước nuôi trồng thủy sản	đồng/ m ² mặt thoáng /năm	125	100
3	Cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	1.000 đồng/ha/năm	1.198	922
4	Tạo nguồn để cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	1.000 đồng/ha/năm		479

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị): 74.900 đồng/ha/năm.

- Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Mức giá trên được tính từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi (cống đầu kênh, cửa chia nước tại bể xả trạm bơm do Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình, Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình và các Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp quản lý) đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối.